

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/DS-ST
Ngày: 08 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Tám
- Bà Dương Thị Sáu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Phúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm V Th, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Phan Th B, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số a, ấp B, xã T, huyện B (theo Văn bản ủy quyền ngày 15/4/2024 do Văn phòng công chứng N chứng thực).

Bị đơn: Bà Phạm Thị C Th, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà **B** xin vắng mặt, bà **T** vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 17/4/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm V Th do bà Phan Th B đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông **Th** và bà **T** là chỗ quen biết, nên trước đây ông **Th** có cho bà **T** vay tiền để xoay sở việc cá nhân. Theo đó, hai bên có làm 01 bản giấy tay có tiêu đề “*Giấy mượn tiền đề ngày 03/3/2024*” do bà **T** viết, ký tên và giao cho ông **Th** giữ. Nội dung thỏa thuận là ông **Th** cho bà **T** số tiền là 23.000.000đồng, vay không có lãi vì số tiền không nhiều và thời hạn ngắn, thời hạn là 01 tháng kể từ ngày 03/3/2024 đến ngày 03/4/2024 thì bà **T** sẽ hoàn trả lại cho ông **Th**.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký giấy thì ông **Th** đã giao đủ số tiền 23.000.000đồng cho bà **T** nhận. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ thì bà **T** không lại tiếp tục xin gia hạn thêm, sau đó thì tránh mặt ông nên ông không liên hệ được. Nhận thấy, không còn khả năng thương lượng nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nội dung khởi kiện: Buộc bà Phạm Thị C Th trả cho ông Phạm V Th số tiền nợ gốc vay là 23.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Ông **Th** xác định, trong vụ án này không còn liên quan đến cá nhân hay tổ chức nào khác nên ông không yêu cầu đưa thêm người nào khác vào tham gia tố tụng. Nhận thấy bà **T** không có thiện chí hợp tác, quá trình giải quyết vụ án, ông **Th** đã cung cấp tài liệu chứng cứ đầy đủ, không còn tài liệu chứng cứ nào khác chưa giao nộp và cũng không đề nghị Tòa án thu thập thêm. Do lớn tuổi đi lại khó khăn nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Phạm Thị C Th: Bà **T** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà **T** vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông **Th** khởi kiện yêu cầu bà **T** có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tố tụng được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Phạm V Th khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Phạm Thị C Th thanh toán tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản nên bà **T** được xác định tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành gửi cho đương sự vắng mặt là bị đơn bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và Thông báo thực hiện quyền đưa ra yêu cầu phản tố để bà **T** biết và thực hiện. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của bị đơn trong vụ án, nguyên đơn xác định không còn tài liệu chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2.1.2] Về nội dung hợp đồng: Qua xem xét “*Giấy mượn tiền*” do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung thông tin nhân thân đầy đủ của người mượn tiền, tại mục “*Người mượn*” có chữ ký, chữ viết ghi tên “*Phạm Thị C Th*”. Do đó, xác định giữa ông **Th** và bà **T** có xác lập quan hệ vay tài sản với số tiền vay là 23.000.000đồng, thời hạn vay là đến ngày 03/4/2024, vay không có lãi, mục đích vay theo lời trình bày của ông **Th** là để bà **T** xoay sở việc cá nhân. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không lãi suất theo quy định tại các Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thỏa thuận và ký kết giao dịch là tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, xác định hợp đồng là hợp pháp và làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết.

[2.1.3] Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi xác lập giấy nợ nêu trên, ông **Th** đã giao đủ số tiền 23.000.000đồng cho bà **T** nhận nhưng khi đến hạn trả nợ thì bà **T** không hoàn trả được nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bà **T** đã gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Th** nên ông có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà **T** vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem như đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu mà nguyên đơn khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt và không

cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn đưa ra. Do đó, có đủ cơ sở để xác định bà **T** còn nợ ông **Th** số tiền là 23.000.000đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà **T** có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc vay là 23.000.000đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.150.000đồng, ông **Th** không phải chịu án phí, do ông **Th** đã được miễn tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng cho ông **Th**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B n Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm V Th đối với bị đơn bà Phạm Thị C Th về việc yêu cầu bà Phạm Thị C Th hoàn trả số tiền 23.000.000đồng (hai mươi **B** triệu đồng) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

1.1 Buộc bà Phạm Thị C Th có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm V Th số tiền 23.000.000đồng (hai mươi **B** triệu đồng).

1.2 Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị C Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 1.150.000đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo

trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

**HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm

Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 172/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long

Địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Tân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc Minh, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Thanh Xuân, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – chi nhánh Long An.

Văn bản ủy quyền số 10/UQ-CNLA ngày 06/9/2022.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Thiệt, sinh năm 1970

Địa chỉ: 175 khu C khu phố Rạch Đào, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205, 207; Các Điều 227, 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long.

Buộc ông Lê Văn Thiết có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long số tiền vay gốc là 3.945.444 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/01/2023 là 3.386.182 đồng, tổng cộng là 7.331.626 đồng (theo Hợp đồng tín dụng số 108/17/HĐTD/1900-5923 ngày 03/3/2017).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: ông Lê Văn Thiết phải chịu 366.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002729 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt tất cả các đương sự. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THẨM PHÁN-CHỦ TỌA
XỬ PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Năm – Nguyễn Thị Ngô Thị Thùy Diễm
Thu Tâm

